

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG
DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG CA2
Số:...../NCM

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 04 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Thông tư số 31/2020/TT-BTTTT ngày 30/10/2020 “Ban hành Quy chế chứng thực của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia”;

Căn cứ Thông tư số 19/2022/TT-BTC ngày 23 tháng 03 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

Hôm nay ngày..... tháng..... năm, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):

1. Đối với tổ chức

Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế:.....

2. Đối với cá nhân

Họ và tên:.....

CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế:.....

Bên cung cấp dịch vụ (Bên B):

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THẺ NACENCOMM

Người đại diện: Ông **ĐẶNG VŨ HỒNG QUANG** Chức vụ: Giám đốc TT CNTT

Địa chỉ ĐKKD: Tầng 5, Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội

Địa chỉ VPGD: Tầng 3, Số 25 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 1900.545407 hoặc 024.3576 5146

Tài khoản: 103.216.566.22015 Mở tại: Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Thăng Long - Phòng giao dịch Kim Liên - Hà Nội

Mã số thuế: 0103930279

Sau khi thỏa thuận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi, giới hạn sử dụng

- Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cho bên A. Bên B đảm bảo cung cấp chứng thư số cho Bên A với các đặc tính sau:

- Đảm bảo tính xác thực trong các giao dịch điện tử.
- Đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu của văn bản được ký bởi chữ ký xác thực hợp lệ.
- Là bằng chứng chống chối bỏ trách nhiệm trên nội dung đã ký.

- Bên A nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm bảo mật các yếu tố xác thực thuê bao.

- Chứng thư số được cấp bởi Bên B có phạm vi, giới hạn sử dụng căn cứ theo:

- Điểm b Khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng này.
- Theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Bên B sẽ bàn giao sản phẩm và dịch vụ cho Bên A tối đa không quá 05 ngày làm việc sau khi hai bên ký kết hợp đồng này.

Điều 2. Mức độ bảo mật

- Hệ thống phân phối khóa cho thuê bao (Bên A) phải đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.

- Bên A có trách nhiệm lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.

Điều 3. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số

- Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó;

- Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do Bên B cấp;

- Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

Điều 4. Chi phí liên quan đến việc cấp và sử dụng chứng thư số của thuê bao

Thông tin gói cước và giá trị hợp đồng như sau:

Sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)		Thuế VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	CTS	Token		
Gói cước (Tên sản phẩm)				
Tổng cộng tiền thanh toán				
Bằng chữ:				

Điều 5. Phương thức thanh toán, gia hạn sử dụng dịch vụ**5.1 Thanh toán:**

- Bên A cam kết thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B trong vòng 05 ngày ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng này.

- Các khoản phí Bên A đã thanh toán cho Bên B sẽ không được hoàn trả trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng.

5.2 Gia hạn sử dụng dịch vụ:

- Việc thông báo gia hạn được Bên B gửi cho Bên A bằng bất kỳ hình thức truyền tin hợp lệ nào (nhưng không bắt buộc) trước khi hết hạn sử dụng dịch vụ.

- Việc gia hạn phải được hoàn thành thủ tục 05 ngày trước khi hết hạn sử dụng dịch vụ.

Điều 6. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số của thuê bao (Bên A)

6.1 Chứng thư số của Bên A sẽ bị tạm dừng, thu hồi trong các trường hợp sau:

- Khi Bên A yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được Bên B xác minh là chính xác.
- Thu hồi, xoá huỷ khoá ký số, khóa Token vào bất cứ lúc nào bằng cách thông báo cho Bên A khi Bên B có căn cứ khẳng định chứng thư số đã được cấp không tuân theo các quy định tại Điều 5 và Điều 7 của hợp đồng này; hoặc khi Bên B phát hiện ra sai sót ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên B và người nhận.
- Thu hồi chứng thư số khi thuê bao là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc thuê bao là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
- Khi có yêu cầu từ cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.
- Khi Bên A không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này.
- Theo điều kiện tạm dừng, thu hồi chứng thư số đã được quy định trong Quy chế chứng thực chữ ký số CA2.
- Khi CA2 phát hiện thiếu, thất thoát Hồ sơ.
- Khi thuê bao thay đổi thông tin, địa chỉ liên hệ mà không thông báo cho CA2 và CA2 nhiều lần không liên lạc được để bổ sung thông tin so với đăng ký ban đầu.

6.2 Khi có căn cứ tạm dừng, thu hồi chứng thư số, Bên B phải tiến hành tạm dừng, thu hồi và đồng thời thông báo ngay cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc tạm dừng, thu hồi thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng.

6.3 Chứng thư số của Bên A sẽ được khôi phục lại khi các căn cứ của tạm dừng chứng thư số tại khoản 6.1 của điều 6 kết thúc, hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu của Bên A đã hết.

6.4 Các trường hợp khác theo quy định của Bên B và pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các bên**7.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:**

a. Nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khoá bí mật.

b. Cung cấp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số bao gồm:

- Đơn cấp chứng thư số theo mẫu của Bên B
- Giấy tờ kèm theo:
 - o Đối với cá nhân: Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu. Nếu chứng thư số cấp cho cá nhân là người có chức danh, thẩm quyền của cơ quan, tổ chức thì phải cung cấp thêm các tài liệu sau:

- Văn bản của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp chứng thư số cho người có chức danh, thẩm quyền.
- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc văn bản xác nhận chức danh của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức.
 - o Đối với tổ chức: Quyết định thành lập hoặc quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư; chứng minh nhân dân, hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.
- c. Có quyền yêu cầu Bên B tạm dừng, thu hồi chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.
- d. Cung cấp thông tin theo quy định một cách trung thực, chính xác cho Bên B.
- đ. Trường hợp tự tạo cặp khóa cho mình, Bên A phải đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng. Quy định này không áp dụng cho trường hợp Bên A thuê thiết bị tạo cặp khóa của Bên B.
- e. Lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.
- g. Thông báo trong thời gian 24 giờ cho Bên B nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- a. Đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số theo điều 1 và điều 4 của hợp đồng sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số của Bên A là chính xác.
- b. Đảm bảo cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho Bên A đáp ứng các điều kiện an toàn cho chữ ký số theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.
- c. Tạo khóa và phân phối khóa cho Bên A.
 - Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu bằng văn bản Bên B tạo cặp khóa cho mình.
 - Đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến Bên A và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có yêu cầu bằng văn bản.
 - Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho Bên A.
 - Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.
- d. Đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của Bên A liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của Bên A là liên tục.
- đ. Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho Bên A và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của Bên B.
- e. Đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư số cho Bên A theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan.
- g. Cam kết bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 04 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- h. Tiếp nhận thông tin: Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin hoạt động 24 giờ trong ngày

i. Liên quan đến hoạt động quản lý khóa:

- Thông báo ngay cho Bên A, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của Bên A đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của Bên A.
- Khuyến cáo cho Bên A việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.

k. Trong trường hợp phải tạm dừng cấp chứng thư số mới: Trong thời gian tạm dừng, Bên B có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp.

l. Khi bị thu hồi giấy phép, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của Bên A.

Điều 8. Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật về thương mại, dân sự và Thông tư 05/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 01 năm 2011 quy định về giải quyết khiếu nại của người sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

- Đảm bảo tuân thủ quy trình giải quyết khiếu nại theo thỏa thuận sử dụng dịch vụ công bố trên website: www.nacencomm.vn.

Điều 9. Chấm dứt và thanh lý hợp đồng

- Chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn quy định tại Điều 10 dưới đây.
- Do Bên A trong khi sử dụng dịch vụ có hành vi vi phạm pháp luật, các thể lệ và quy định về khai thác dịch vụ; không thanh toán cước phí dịch vụ như quy định tại hợp đồng này.
- Theo yêu cầu của một trong các bên và có sự đồng ý của các bên tham gia ký hợp đồng.

- Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý khi chứng thư số của Bên A hết hạn mà Bên A không tiếp tục gia hạn chứng thư số, không tiếp tục thanh toán phí duy trì dịch vụ theo quy định và các bên không xảy ra tranh chấp.

Điều 10. Điều khoản chung

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn đến khi chứng thư số của Bên A hết hiệu lực sử dụng mà Bên A không tiếp tục gia hạn sử dụng chứng thư số.

- Hợp đồng này tiếp tục có hiệu lực trong khoảng thời gian gia hạn chứng thư số tiếp theo của Bên A.

- Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định trong hợp đồng này và thỏa thuận sử dụng dịch vụ công bố trên website: www.nacencomm.vn

- Các vấn đề yêu cầu phát sinh sẽ được các bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng.

- Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được các bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu không thể thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu.

Hợp đồng được làm thành hai (02) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)